HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26 /2022/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 11 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế của các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, DT(02).ptd.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Bùi Thị Quỳnh Vân

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
Quy định một số nội dung, mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Điều 2. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, huyện đảo (trong trường hợp huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Nội dung: Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh; mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền (mở rộng hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã; thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông).

2. Mức chi: 100% kinh phí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, huyện đảo

1. Hỗ trợ kinh phí thuê đường truyền Internet băng rộng để người dân khai thác các thông tin thiết yếu, truy cập các xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến: 270.000 đồng/tháng/01 điểm phục vụ.

2. Hỗ trợ tiền điện duy trì hoạt động tại điểm phục vụ: 120.000 đồng/tháng.

3. Hỗ trợ phần mềm phòng, chống Virus tại điểm phục vụ: 300.000 đồng/máy vi tính/năm.

Mục 2
Quy định một số nội dung, mức chi, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Điều 4. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

1. Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, nhưng không quá 40 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

Điều 5. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

Hỗ trợ 100% kinh phí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Điều 7. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức; truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh

1. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

b) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

2. Hỗ trợ 100% chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh; nhưng không quá 100 triệu đồng/01 sản phẩm.

Điều 8. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

1. Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 80% tổng kinh phí, nhưng không quá 5 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

2. Đối với địa bàn khó khăn: Hỗ trợ 70% tổng kinh phí, nhưng không quá 3 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

3. Đối với địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư: Hỗ trợ 50% tổng kinh phí, nhưng không quá 2 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

Điều 9. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Hỗ trợ 50% tổng kinh phí cho 1 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

1. Nội dung:

Hỗ trợ khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền: Hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn; tiến hành điều tra, xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghệ nhân hoạt động "trình diễn" nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục vụ nhu cầu du lịch, văn hoá.

2. Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Điều 11. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mô hình thí điểm sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng; mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Hỗ trợ 50% tổng kinh phí, nhưng không quá 1 tỷ đồng/mô hình.

Điều 12. Chi hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương

1. Nội dung: Hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn để thực hiện các nội dung xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương.

2. Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí, nhưng không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

Điều 13. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện được phê duyệt nhưng không quá 3 tỷ đồng đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt nhưng không quá 3 tỷ đồng đối với các huyện còn lại.

Điều 14. Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện được phê duyệt nhưng không quá 3 tỷ đồng đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt nhưng không quá 3 tỷ đồng đối với các huyện còn lại.

Điều 15. Chi hỗ trợ công tác xóa mù chữ

Nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Điều 26 của Quy định này.

Điều 16. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

1. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.

b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.

c) Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn:

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 30 triệu đồng/01 năm.

b) Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 15 triệu đồng/01 năm.

3. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn:

a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách.

b) Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.

c) Tủ sách thôn: 30 triệu đồng/01 tủ sách.

Điều 17. Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Điều 18. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Hỗ trợ mô hình cấp nước sạch tại các vùng đặc thù, vùng khan hiếm về nguồn nước; thí điểm mô hình thu, xử lý và lưu trữ nước an toàn.

a) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

2. Hỗ trợ các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt; chất thải và phụ phẩm nông nghiệp; bao gói thuốc bảo vệ thực vật.

a) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

3. Hỗ trợ bảo vệ môi trường làng nghề, cảnh quan môi trường; an toàn thực phẩm nông lâm thuỷ sản; vệ sinh môi trường nông thôn.

a) Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện được phê duyệt đối với các huyện miền núi, nhưng không quá 3 tỷ đồng/01 mô hình.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện được phê duyệt đối với các huyện còn lại, nhưng không quá 2 tỷ đồng/ 01 mô hình.

Điều 19. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Điều 20. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình: 30 triệu đồng/mô hình.

2. Hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp: 18 triệu đồng/mô hình.

Điều 21. Chi hỗ trợ thành lập mô hình và duy trì sinh hoạt mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại địa phương, đại diện vùng miền và nhân rộng mô hình tại các địa phương; mạng lưới cố vấn, tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ

1. Hỗ trợ thành lập mô hình: 30 triệu đồng/mô hình.

2. Hỗ trợ xây dựng mạng lưới tư vấn mô hình, duy trì và nhân rộng mô hình: 26 triệu đồng/mạng lưới.

Điều 22. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"

Mức hỗ trợ 30 triệu đồng/mô hình.

Điều 23. Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng

1. Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức chi không quá 310 triệu đồng/mô hình.

2. Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng (mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt), mức chi không quá 58 triệu đồng/mô hình.

Điều 24. Chi thực hiện các đề án/kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên các địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề án/kế hoạch, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện đề án/kế hoạch, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Điều 25. Chi xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

1. Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện/dự án được phê duyệt đối với các huyện miền núi.

2. Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện/dự án được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Mục 3
Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Điều 26. Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ

1. Nội dung: Hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê chỗ ở và chi phí đi lại đối với người dân tham gia học xóa mù chữ.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tiền ăn: 70.000 đồng/người dân/ngày thực học.

b) Hỗ trợ tiền thuê chỗ ở: 50.000 đồng/người dân/ngày đêm (tiền thuê chỗ ở trong thời gian tham gia học xóa mù chữ với điều kiện tổ chức lớp học liên xã).

c) Hỗ trợ chi phí đi lại cho người dân tham gia học xóa mù chữ *(một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết):* 3.000 đồng/km tính theo khoảng cách từ 5 km trở lên kể từ nhà đến điểm học.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương theo quy định và các nguồn vốn hợp pháp.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Nội dung, mức chi, mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để lập và giao dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; việc quản lý và thanh toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trường hợp, cùng một đối tượng được hưởng cùng một nội dung hỗ trợ của nhiều chính sách khác nhau thì thực hiện hỗ trợ theo chính sách có mức hỗ trợ cao nhất./.